

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Kon Rẫy

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn số 724/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 09/4/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh về việc đề nghị báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy báo cáo sơ kết 05 năm tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội

Kon Rẫy là một huyện miền núi, nằm phía Đông tỉnh Kon Tum cách trung tâm tỉnh lỵ khoảng 30 km và nằm dọc theo quốc lộ 24 đi Quảng Ngãi. Tổng diện tích tự nhiên là 91.390,34 ha. Toàn huyện có 07 đơn vị hành chính (06 xã và 01 thị trấn, 49 thôn); Tổng dân số trên địa bàn huyện Kon Rẫy là 31.209 người, với 7.580 hộ, trong đó hộ đồng bào DTTS là 4.969 hộ, số khẩu 20.559 khẩu, chiếm 65,55% so với tổng số hộ. Tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện là 797 hộ, chiếm tỷ lệ 10,51%; hộ cận nghèo 760, chiếm tỷ lệ 10,03%. Cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện có trên 06 dân tộc thiểu số đang sinh sống. Trong đó: Dân tộc thiểu số tại chỗ là Ba Na (Giơ Lâng, Rơ Ngao), Xơ Đăng (Tơ Đra, Ca Dong), Hre và còn có một số dân tộc thiểu số khác như: Tày, Cor, Nùng, Thái, Mường...

Tình hình kinh tế - xã hội của huyện Kon Rẫy còn gặp nhiều khó khăn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện.

2. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động: Dân số toàn huyện đến nay 31/12/2023 là 31.209 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 40,49%. Tổng số lao động trong độ tuổi: 17.685 người (nam: 9.179; nữ: 8.506), số lao động có việc làm thường xuyên: 15.920 người, đây là nguồn lao động dồi dào cho sự phát triển của địa phương.

3. Số lượng doanh nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 26 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó doanh nghiệp Nhà nước 05; doanh nghiệp tư

nhân 21. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động là 73,08%; từ 10 đến dưới 50 lao động là 26,92%.

4. Số lượng doanh nghiệp có tổ chức Công đoàn cơ sở: Doanh nghiệp Nhà nước có tổ chức Công đoàn cơ sở: 01; doanh nghiệp tư nhân có tổ chức Công đoàn cơ sở: 02.

5. Tỷ lệ người lao động tham gia Công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp: Tổng số người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp là 188 lao động, trong đó có 177 lao động tham gia hoạt động Công đoàn, đạt tỷ lệ 94,1%.

II. Tình hình 05 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, của cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ:

- Công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg:

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác phổ biến, thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tận doanh nghiệp, người sử dụng lao động, người lao động; qua đó, quán triệt đầy đủ các nội dung của Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư, Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 18/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động triển khai kế hoạch số 119-KH/TU ngày 18/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng như của doanh nghiệp và người lao động trong việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của người lao động, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quan hệ lao động: Phổ biến pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, quan hệ lao động cho phù hợp với từng giai đoạn. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hệ thống pháp luật về quan hệ lao động, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động năm 2019; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai có hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, chú trọng tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật để tạo sự chuyển biến thực sự trong việc chấp hành pháp luật của các bên trong quan hệ lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao

động và quan hệ lao động, nhất là các nội dung Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, các luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành tới mọi tầng lớp Nhân dân, người lao động, người sử dụng lao động để tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” tại các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động, người sử dụng lao động tiếp cận thông tin chính thức, nâng cao ý thức giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm cân đối đủ nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động. Liên đoàn Lao động huyện thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật cho đoàn viên, người lao động.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về quan hệ lao động:

Về công tác củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp nhân sự và thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về quan hệ lao động, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực lao động. Hiện nay có 03 hòa giải viên lao động là chuyên viên Phòng Lao động - TB&XH theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các phòng, ban, chuyên môn thuộc huyện đã chủ động phối hợp với các ban ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động, tập trung vào các vấn đề về thực hiện Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, quy chế dân chủ cơ sở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chính sách tiền lương...

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn trong quan hệ lao động: Thực hiện nhiệm vụ tiếp tục đổi mới hoạt động Công đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Liên đoàn Lao động huyện đã triển khai kế hoạch¹ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới” đến các cấp Công đoàn cơ sở trên địa bàn huyện. Liên đoàn Lao động huyện tiến hành xây dựng các kế hoạch² về công tác phát triển đoàn viên, kiện toàn, nâng chất hoạt động của tổ chức Công đoàn, phân công Ủy viên Thường vụ thường xuyên đôn đốc, hỗ trợ các Công đoàn cơ sở; rà soát tình hình cán bộ, công chức và công nhân lao động trong các doanh nghiệp, trên cơ sở đó, xây dựng chương trình phát triển đoàn viên trong thời gian tới. Công tác tuyên truyền cũng được Công đoàn chú trọng và thường xuyên đổi mới về hình thức, nội dung. Thường xuyên tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động các quy định của

¹ Kế hoạch số 12/KH-LĐLĐ, ngày 31/12/2021 của Liên đoàn lao động huyện Kon Rẫy Tum về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12-6-2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới

² Kế hoạch số 03/KH-LĐLĐ, ngày 10/04/2019 của LĐLĐ huyện về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-BCH của Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Kon Tum (khóa X) “Tăng cường phát triển đoàn viên, thành lập Công đoàn cơ sở, giai đoạn 2018 - 2023”.

pháp luật Công đoàn, về tổ chức và hoạt động Công đoàn. Liên đoàn Lao động huyện làm tốt vai trò trong việc tham gia vào các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động tại cơ sở. Thường xuyên quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động được thường xuyên thực hiện. Kết quả từ 2019 đến nay, đã thành lập được 04 Công đoàn cơ sở, trong đó có 02 doanh nghiệp ngoài nhà nước (với 88 đoàn viên), kết nạp 234 đoàn viên vào tổ chức Công đoàn giới thiệu 272 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, bồi dưỡng và đã kết nạp được 142 cán bộ, đoàn viên ưu tú vào Đảng.

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể: Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã thực hiện tốt các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể, không để xảy ra tình trạng tranh chấp lao động.

5. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công: Trong những năm vừa qua, trên địa bàn huyện không xảy ra tranh chấp lao động và đình công.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, Ban Thường vụ Huyện ủy, sự vào cuộc đồng bộ và quyết liệt của các phòng, ban, ngành đoàn thể, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục trên hệ thống truyền thanh cơ sở, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội; công tác kiểm tra, giám sát liên ngành được thực hiện hàng năm.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lao động được nâng cao. Cơ quan chuyên môn thường xuyên nắm bắt thông tin, kết nối hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác cung - cầu lao động, thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ đảm bảo quyền và lợi ích của Doanh nghiệp, người sử dụng lao động và người lao động.

Các doanh nghiệp từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng, tăng cường đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống công nhân, người lao động. Đảm bảo ổn định tình hình sản xuất, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế

- Còn có Công ty, doanh nghiệp chưa thành lập tổ chức Công đoàn nên công tác bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động còn nhiều khó khăn.

- Một số Công ty, doanh nghiệp chưa có chế độ đãi ngộ đối với người lao động; tiền lương đang ở mức trung bình chưa tạo được sức hút đối với người lao động.

3. Nguyên nhân

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến sản

xuất, kinh doanh và đời sống của người lao động.

- Một số Công ty, doanh nghiệp tập trung vào hoạt động kinh doanh, có lúc chưa thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng đời sống của công nhân, người lao động.

IV. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

1. Phương hướng, nhiệm vụ

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư; đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp tình hình thực tế địa phương.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về thực hiện các quy định pháp luật; nắm bắt về tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời hỗ trợ giải quyết những khó khăn vướng mắc, giải quyết kịp thời các vụ việc khi có tranh chấp xảy ra giữa người lao động với chủ doanh nghiệp...

Tăng cường nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về lao động, an toàn vệ sinh lao động; phối hợp tổ chức đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp và người lao động.

2. Đề xuất, kiến nghị: Không.

V. Tổng hợp số liệu về hình thức thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg ở địa phương:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm					
			2019	2020	2021	2022	2023	2024
I	DN, HTX đang hoạt động							
1	Số doanh nghiệp		19	23	25	26	26	26
1.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)		3	5	5	5	5	5
	- Trong đó: số DNNN trong KCN		0	0	0	0	0	0
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh	DN	16	18	20	21	21	21
	- Trong đó: số DN dân doanh trong KCN		0	0	0	0	0	0
1.3	Số doanh nghiệp FDI		0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: số DN FDI trong KCN		0	0	0	0	0	0
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%	84,21	78,61	80	79,5	73,08	73,08
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến dưới 50 lao động	%	15,79	21,39	20	15,9	26,92	26,92
2	Số hợp tác xã (HTX)	HTX	1	4	9	9	23	23

3	Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động	KCN	0	0	0	0	0	0
II	Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động							
1	Số lao động trong doanh nghiệp							
	Số lao động (LĐ) trong DNNN		198	198	209	223	223	223
1.1	- Trong đó: số LĐ trong DNNN trong KCN		0	0	0	0	0	0
	Số lao động trong DN dân doanh	DN	230	238	257	325	325	325
1.2	- Trong đó: số LĐ trong DN dân doanh trong KCN		0	0	0	0	0	0
	Số lao động trong DN FDI		0	0	0	0	0	0
1.3	- Trong đó: số LĐ trong DN FDI trong KCN		0	0	0	0	0	0
2	Số lao động trong các hợp tác xã	HTX	22	29	115	115	157	157
III	Tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong DN, HTX							
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN	Tổ chức	1	2	2	2	2	12
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh		1	1	1	2	2	2
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI		0	0	0	0	0	0
4	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN	Người	198	220	226	226	234	234
5	Số tổ chức CĐCS trong HTX	Tổ chức	0	0	0	0	0	0
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX	Người	0	0	0	0	0	0
IV	Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động							
1	Số DN đăng ký nội quy lao động	DN	2	2	5	5	8	8
2	Số DN có thang lương, bảng lương	DN	2	2	5	5	8	8
3	Tiền lương bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX							
	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN	Triệu đồng/người/tháng						
3.1	Trong đó: - Ở DNNN		3,5	3,5	4,5	5,5	6,0	6,0
	- Ở DN dân doanh		4,2	4,2	5,0	6,0	6,5	6,5
	- Ở DN FDI		0	0	0	0	0	0
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX		5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,0

4	<i>Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN</i>							
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở	DN	2	2	5	5	8	8
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN						
	<i>Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ</i>	DN	2	2	5	5	8	8
	<i>- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên</i>	DN	0	0	0	0	0	0
	<i>- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc</i>	DN	0	0	0	0	0	0
5	<i>Số thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) đã ký kết</i>							
5.1	Số TULĐTT doanh nghiệp	Bản	0	0	0	0	0	0
5.2	Số TULĐTT ngành	Bản	0	0	0	0	0	0
5.3	Số TULĐTT nhiều doanh nghiệp	Bản	0	0	0	0	0	0
6	<i>Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công</i>							
6.1	Số cuộc TCLĐ cá nhân	Cuộc	0	0	0	0	0	0
6.2	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	Cuộc	0	0	0	0	0	0
6.3	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	Cuộc	0	0	0	0	0	0
6.4	Số cuộc đình công	Cuộc	0	0	0	0	0	0
7	<i>Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân KCN trên địa bàn</i>	%	0	0	0	0	0	0
V	Số công chức hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương	Người						
1	Số công chức của SLĐTBXH	Người						
	Trong đó: số công chức chuyên trách về quan hệ lao động	Người						
2	Số công chức của BQLKCN	Người						
3	Số công chức các phòng LĐTBXH cấp huyện	Người	1	1	1	1	1	1
4	CQ khác	Người						
VI	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động							
1	Số lượt NLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	Người	1.150	1.256	1.330	1.350	1.350	1.350
2	Số lượt người sử dụng lao động	Người	19	25	25	25	26	26

	được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động							
3	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
VII	Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động							
1	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	Người	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: Số thanh tra viên lao động</i>		0	0	0	0	0	0
2	Số DN được thanh tra	DN	0	0	0	0	0	0
3	Số DN được kiểm tra	DN	2	2	5	5	5	5
4	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN	0	0	0	0	0	0
5	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN	0	0	0	0	0	0
6	Tổng số kiến nghị xử lý	Kiến nghị	0	0	0	0	0	0
7	Tổng số quyết định xử phạt	quyết định	0	0	0	0	0	0
8	Tổng số tiền xử phạt	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
VIII	Kiện toàn hòa giải viên lao động (HGVLD), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLD)							
1	Hòa giải viên lao động							
1.1	Số HGVLD được bổ nhiệm đang hoạt động	Người	3	3	3	3	3	3
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLD hòa giải thành	Cuộc	1	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành</i>		0	0	0	0	0	0
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành</i>		0	0	0	0	0	0
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành</i>		0	0	0	0	0	0
2	Hội đồng trọng tài lao động							
2.1	Thành lập HĐTTLD (<i>đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLD</i>).		0	0	0	0	0	0
2.2	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLD giải		0	0	0	0	0	0

quyết							
<i>Trong đó: Số cuộc TCLĐ cá nhân được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>		0	0	0	0	0	0
<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>		0	0	0	0	0	0
<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền được TTLĐ ra quyết định giải quyết</i>		0	0	0	0	0	0

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg trên địa bàn huyện Kon Rẫy./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi ;
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Thị Hồng Thu